

Số: /NQ-HĐND

Bình Yên, ngày tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Bình Yên năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH YÊN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND, ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2025; mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND, ngày 04/02/2026 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ vào Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 27/02/2026 của UBND xã Bình Yên về việc Điều chỉnh Điều 2 Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Bình Yên năm 2026; Điều 2 Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND xã về việc đề nghị thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Bình Yên giai đoạn 2026 - 2030; báo cáo thẩm tra của hai ban HĐND xã; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tại Điều 2 Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội xã Bình Yên năm 2026, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu về Kinh tế

- (1) Thu nhập bình quân đầu người đến hết năm 2026: 58 triệu đồng/năm.
- (2) Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng so với năm 2025: 4%.
- (3) Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt: 114.16 triệu đồng
- (4) Tổng sản lượng lương thực có hạt: 7,660 tấn.
- (5) Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 2,400 tấn.
- (6) Sản lượng nuôi trồng thủy sản: 214 tấn.
- (7) Diện tích trồng rừng tập trung: 65 ha (Trồng rừng tập trung 45ha, trồng rừng phân tán 15ha).
- (8) Diện tích trồng chè mới và trồng thay thế: 25ha; Tổng sản lượng chè búp tươi: 6,400 tấn. Tổng giá trị sản phẩm thu được từ chè: 306,0 tỷ đồng.
- (9) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 7,220 tỷ đồng trong đó: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất): 6,120 tỷ đồng. Thu tiền sử dụng đất: 1,100 tỷ đồng
- (10) Giá trị sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp: 26 Tỷ đồng.
- (11) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh: 20%.

2. Các chỉ tiêu về Khoa học, chuyển đổi số

- (1) Tỷ lệ tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng: 100%.
- (2) Tỷ lệ hồ sơ, TTHC được xử lý trên môi trường mạng: 100%.
- (3) Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc: 95%.
- (4) Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G: 75%.

3. Các chỉ tiêu về Văn hoá - xã hội

- (1) Giải quyết việc làm mới: 372 lao động.
- (2) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75%. Trong đó tỷ lệ lao động được cấp văn bằng, chứng chỉ: 38%
- (3) Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều: 1,2%
- (4) Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn: <2,3%
- (5) Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi: 0,2%
- (6) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 91,67%
- (7) Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa: $\geq 90\%$.
- (8) Tỷ lệ xóm đạt chuẩn văn hóa: $\geq 90\%$.
- (9) Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa: $\geq 92\%$.

(10) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 100%.

Các chỉ tiêu về Y tế

(11) Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm: 1.100 người.

(12) Tỷ lệ cặp nam nữ, thanh niên được tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn: 52%.

(13) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước khi sinh đủ 4 bệnh) 45%.

(14) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh) 60%.

(15) Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: 82%.

4. Các chỉ tiêu về môi trường

(1) Duy trì ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng: 48,1%

(2) Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn: 60%.

(3) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý: 100%

5. Các chỉ tiêu về Quốc phòng

(1) Tỷ lệ lực lượng dân quân tự vệ so với dân số: 3,15%.

(2) Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định: 100%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của Pháp luật.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Yên Khóa XX, Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 3 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy xã (Báo cáo);
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Lý Văn Thắng